

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Giấy, bút, thẻ chữ số 0–9 và bảng các hàng do người lớn kẻ; có thể dùng thẻ ghi giá trị 1, 10, 100, 1000, 10 000. Thẻ giá trị là vật thay thế theo quy ước, không phải mỗi thẻ chỉ một đồ vật.

Mỗi nhiệm vụ có dữ kiện riêng. Đặt các chữ số cùng hàng thẳng cột; dùng thẻ giá trị khi cần giải thích việc đổi.

Chỗ kết quả để trống để em tự làm. Nếu đã được giúp một lượt đổi, ghi riêng phần hỗ trợ.

BÀI 1

Trừ số có đến năm chữ số không mượn

Đặt tính và trừ số có đến năm chữ số không mượn.

VÍ DỤ

$76\,548 - 23\,416 = 53\,132$. Trừ từng cột từ đơn vị, mỗi cột đều đủ để trừ nên không cần đổi.

$$\begin{array}{r} 7\ 6\ 5\ 4\ 8 \\ - 2\ 3\ 4\ 1\ 6 \\ \hline 5\ 3\ 1\ 3\ 2 \end{array}$$

1 Đặt tính rồi tính $87654 - 24312$. Nói cách kiểm.

$$\begin{array}{r} 8\ 7\ 6\ 5\ 4 \\ - 2\ 4\ 3\ 1\ 2 \\ \hline \end{array}$$

Bài 1 · tiếp tục

Họ và tên: _____

Lớp: _____

Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Bài 2 · tiếp tục

- 1 Tính $68\,235 - 24\,116$. Sau khi đổi 1 chục, còn mấy chục ở số đầu?

$$\begin{array}{r} 68\,235 \\ - 24\,116 \\ \hline \end{array}$$

- 2 Tính $76\,432 - 25\,116$; nói từ hàng nào mượn sang hàng nào.

- 3 Tính $54\,682 - 21\,314$ rồi dùng phép cộng để kiểm.

Họ và tên: _____

Lớp: _____

Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Bài 2 · tiếp tục

- 4** Một kho có 49 354 thẻ, dùng 17 227 thẻ. Hỏi còn bao nhiêu? Nói cách xử lý cột đơn vị.

BÀI 3

Hai lần mượn không liên nhau

Trừ với hai lần mượn không liên nhau và nêu đúng giá trị từng lần đổi.

VÍ DỤ

$68\ 423 - 15\ 607 = 52\ 816$. Đổi 1 chục cho cột đơn vị; đổi 1 nghìn cho cột trăm. Cột chục ở giữa không cần mượn.

$$\begin{array}{r}
 7\ 14\ 1\ 13 \\
 6\ \cancel{8}\ \cancel{4}\ \cancel{2}\ \cancel{3} \\
 -\ 1\ 5\ 6\ 0\ 7 \\
 \hline
 5\ 2\ 8\ 1\ 6
 \end{array}$$

- 1** Tính $76\ 432 - 25\ 716$. Nói hai lần đổi từ hàng nào sang hàng nào.

$$\begin{array}{r}
 7\ 6\ 4\ 3\ 2 \\
 -\ 2\ 5\ 7\ 1\ 6 \\
 \hline
 \end{array}$$

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Bài 3 · tiếp tục

- 2 Tính $85\,364 - 42\,627$; nói sau lần đổi cho cột trăm thì hàng nghìn còn bao nhiêu.

- 3 Đặt tính $68\,423 - 25\,607$ rồi kiểm bằng cộng.

- 4 Có 97 543 hạt, chuyển đi 31 825 hạt. Tìm số còn lại và giải thích hai cột phải mượn.

BÀI 4

Dùng cộng để kiểm và nhầm hiệu

Dùng quan hệ cộng–trừ để kiểm hoặc tìm hiệu trong trường hợp đơn giản.

VÍ DỤ

$18\,000 - 7000 = 11\,000$ vì $11\,000 + 7000 = 18\,000$. Quan hệ này giúp kiểm lại hiệu, không cần làm lại cùng một cách.

Họ và tên: _____

Lớp: _____

Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Bài 4 · tiếp tục

1 Nhẩm $46\,000 - 12\,000$ rồi viết một phép cộng để kiểm.

2 Bạn tính $28\,500 - 8\,500 = 20\,000$. Em kiểm bằng phép cộng và kết luận.

3 Tìm số bị che: $? + 6\,000 = 23\,000$. Nói phép trừ dùng để tìm và phép cộng dùng để kiểm.

4 Bạn nói $18\,000 - 5\,000$ cũng bằng $5\,000 - 18\,000$ vì phép cộng đổi thứ tự được. Em giải thích bằng lượng có và lượng bớt.

BÀI 5**Tìm số bị trừ hoặc số trừ**

Tìm số ban đầu hoặc lượng đã bớt từ các lượng còn lại và tự kiểm.

VÍ DỤ

$? - 12\,120 = 30\,230$: số ban đầu bằng phần còn lại cộng phần đã bớt, nên $? = 42\,350$. Kiểm $42\,350 - 12\,120 = 30\,230$.

Họ và tên: _____

Lớp: _____

Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Bài 5 · tiếp tục

- 1 Tìm số bị che: $? - 23\,416 = 44\,132$. Viết phép tính tìm rồi kiểm bằng trừ.

- 2 Có 76 432 tờ giấy, sau khi chuyển đi một số thì còn 40 716 tờ. Hỏi đã chuyển đi bao nhiêu? Viết phép trừ có chỗ chưa biết.

- 3 Một kho đã giao 21 237 nhãn và còn 36 927 nhãn. Ban đầu kho có bao nhiêu? Nói cách kiểm.

- 4 Bạn tìm ? trong $85\,364 - ? = 52\,737$ bằng cách cộng hai số đã cho. Em giải thích và sửa; viết phép tính kiểm.
